TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 626/2025/DS-PT
Ngày: 15-9-2025
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Bà Dương Thuý Hằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12), tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 567/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T (N là xã H), tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: chị Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T (N là xã P), tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 01-11-2024); vắng mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T (N là xã H), tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1960. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

4. Cháu Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 2008. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Cháu Nguyễn Văn M1, sinh năm 2013. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu M, cháu M1: ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp C, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – là cha ruột của cháu M, cháu M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Huỳnh N ***trình bày:***

Bà V và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 là hàng xóm, do có mối quan hệ quen biết nên bà V có cho bà N1 vay số tiền tổng cộng là 440.000.000 đồng cụ thể các lần như sau: Lần 1: ngày 19-11-2020, 80.000.000 đồng; Lần 2: Ngày 20-12-2020, 20.000.000 đồng; Lần 3: Ngày 04-02-2021, 200.000.000 đồng; Lần 4: Ngày 02-4-2021, 40.000.000 đồng; Lần 5: Ngày 10-4-2021, 100.000.000 đồng. Mỗi lần vay đều làm giấy nợ, do bà N1 viết và ký tên, ghi họ tên. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói tiền lãi trả theo quy định pháp luật. Bà N1 trả tiền lãi được 02 tháng với số tiền 4.000.000 đồng, sau đó bà N1 không trả nữa. Mục đích bà N1 vay tiền để kinh doanh.

Đến tháng 6/2021 bà N1 chết, bà V có đến gặp gia đình bà N1 và được ông C là chồng bà N1 thừa nhận số tiền nợ và cùng ký tên vào các giấy nợ bà N1 đã ký trước đó.

Bà Nguyễn Thị Tuyết N1 có chồng là ông Nguyễn Văn C, cha mẹ bà N1 là ông Lê Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1; bà N1 và ông C có 02 người con là Nguyễn Thị Tuyết M và Nguyễn Văn M1.

Nay bà V khởi kiện yêu cầu buộc ông C có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 10-5-2021 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án và buộc ông C, bà Đ1, ông Đ, cháu M và cháu M1, là những người thừa kế của bà N1, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 10-5-2021 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: yêu cầu buộc ông C có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và buộc ông C, bà Đ1, ông Đ, cháu M và cháu M1, là những người thừa kế của bà N1, thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, có trách nhiệm trả cho bà V số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn C ***trình bày:*** Ông C và bà N1 kết hôn năm 2007. Bà N1 chết năm 2021. Ông không biết việc bà N1 vay tiền của bà V. Khoảng tháng 05/2021 do bà N1 tuyên bố vỡ nợ nên bà V đến nhà yêu cầu ông ký tên vào các giấy nợ trước đó. Vì muốn yên ổn gia đình nên ông C đã ký tên vào các giấy nợ nói trên nhưng không có nhận tiền theo các giấy nợ đã ký.

Nay ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà V.

Đại diện hợp pháp của bị đơn cháu M***, cháu*** M1 **–** ***ông*** Nguyễn Văn C ***trình bày theo biên bản lấy lời khai ngày 25-12-2024:***

Cháu M, cháu M1 đều không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vì cháu M, cháu M1 không có nhận tiền.

Bị đơn ông Lê Văn Đ***, bà*** Nguyễn Thị Đ1***:*** Đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập tham gia đối chất, triệu tập để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 19-6-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bảng (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 12), tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Lê Văn Đ, cháu Nguyễn Thị Tuyết M và cháu Nguyễn Văn M1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng trong phạm vi di sản bà N1 để lại.

Ghi nhận bà V không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 03-7-2025, bị đơn ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông C trả cho bà N1 số tiền 220.000.000 đồng và tính lại số tiền mà các đồng thừa kế của bà N1 phải trả cho nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh**:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C yêu cầu sửa bản án sơ thẩm; không buộc ông C trả cho bà V số tiền 220.000.000 đồng và tính lại số tiền mà các đồng thừa kế của bà N1 phải trả cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo nguyên đơn bà V trình bày, vào năm 2020 bà V có cho bà N1 vay số tiền 440.000.000 đồng và bà N1 có ký giấy nhận nợ; đến tháng 6/2021 bà N1 chết, bà V có gặp ông C (chồng bà N1), thừa nhận nợ số tiền này và ông C cùng ký tên vào các giấy nợ này. Tại kết luận giám định số 2675/KL-KTHS ngày 04-02-2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận chữ ký "Nhung" và chữ viết "Nguyễn Thị Tuyết N1" trong 05 giấy mượn tiền do bà V cung cấp là do bà N1 viết ra. Đồng thời, số tiền nợ này bà N1 vay trong thời gian vợ chồng bà N1 và ông chuyển sống chung trong thời kỳ hôn nhân, sử dụng tiền vay vào mục kinh doanh và phục vụ cuộc sống gia đình. Do đó, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định số tiền vay 440.000.000 đồng là nợ chung của bà N1 và ông C; nên buộc ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà V ½ số nợ trên với số tiền 220.000.000 đồng là có căn cứ.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Lê Văn Đ, cháu Nguyễn Thị Tuyết M và cháu Nguyễn Văn M1 cùng có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho bà V ½ số nợ còn với số tiền 220.000.000 đồng trong phạm vi di sản bà N1 để lại là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự; nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Nguyễn Văn C phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2025/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 12), tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 35, 39, 161, 162, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Lê Văn Đ, cháu Nguyễn Thị Tuyết M và cháu Nguyễn Văn M1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng trong phạm vi di sản bà N1 để lại.

Ghi nhận bà V không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Chi phí giám định: Ông C và những người thừa kế của bà N1 phải chịu chi phí giám định là 3.420.000 (Ba triệu bốn trăm hai mươi nghìn) đồng, bà V đã nộp thay nên ông C có nghĩa vụ trả lại cho bà V số tiền 1.710.000 (Một triệu bảy trăm mười nghìn) đồng, những người thừa kế của bà N1 gồm: ông C, bà Đ1, ông Đ, cháu M, cháu M1 phải trả lại cho bà V số tiền 1.710.000 (Một triệu bảy trăm mười nghìn) đồng trong phạm vi di sản bà N1 để lại.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Văn C phải chịu 11.000.000 (Mười một triệu) đồng.

3.2. Ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Lê Văn Đ, cháu Nguyễn Thị Tuyết M, cháu Nguyễn Văn M1 phải chịu 11.000.000 (Mười một triệu) đồng trong phạm vi di sản bà N1 để lại.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0022977 ngày 08-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5 Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 12, Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn